

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/KDTM-PT

Ngày: 30-5-2025

V/v: Tranh chấp hợp mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Công

Ông Bùi Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19, 23 và 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2024/TLPT-KDTM ngày 13/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”,

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐXX-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty C1- Ngân hàng N(gọi tắt là ALCI); địa chỉ: Số D, phường K, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của ALCI: Bà Trương Thị Xuân T vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền (theo QĐ về việc ủy quyền số 01/QĐ-ALCI-HCNS ngày 12/07/2021): Ông Vũ H P Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty C2 (ALCI.QN).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ALCI: Ông Dương Mạnh C sư Văn phòng L1 Đoàn Luật sư tỉnh Q

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần P2 (gọi tắt là Công ty P3 chỉ trụ sở: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị L vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L1:

- Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N1 Ông Chu Tuấn H1 năm 1976 - Chức vụ: Trưởng Văn phòng; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định

- Ông Trần Văn H2, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ A, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng

3. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần P4 bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Pông H3 H1 Luật sư C (Khi tuyên án có mặt ông H, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Huy P1 bày:*

Ngày 14/11/2007, Công ty TNHH T1 (Công ty T3 và Công ty cổ phần P2 (Công ty P5 thỏa thuận số 08/BBTT-2007 về việc Công ty T2 một (01) tàu biển vỏ thép cấp hạn chế III, trọng tải toàn phần 3.242 tấn của Công ty P6 qua hình thức thuê tài chính tại ALCI.QN.

Giữa ALCI.QN và Công ty T3 ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số 58/2007/ALCI.QN ngày 17/12/2007 ("Hợp đồng cho thuê tài chính") với nội dung ALCI.QN sẽ cho Công ty P1 thuê tài chính tài sản là một tàu vận tải biển chở hàng khô, vỏ thép, cấp III hạn chế, trọng tải 3.242 tấn, kèm theo Hợp đồng cho thuê tài chính có các phụ lục: 04A/ALCI; 04D/ALCI.

Căn cứ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 58/2007/ALCI.QN, ngày 17/12/2007 ALCI.QN đã ký kết Hợp đồng mua bán số 58A/2007-HĐMB với Công ty P7 thực hiện mua một tàu biển vỏ thép cấp hạn chế III, trọng tải toàn phần 3.242 tấn của Công ty P2

Ngày 06/10/2009 ALCI.QN đã có buổi làm việc bốn bên giữa ALCI.QN với Công ty CP T1, Công ty TNHH T4 (Công ty T4. Các bên đã thống nhất chuyển đổi sang cho khách hàng thuê mới là Công ty TNHH T5 bàn giao tàu được dự kiến trong tháng 05 năm 2010.

- Để thực hiện Hợp đồng mua bán, ALCI đã tạm ứng mua tàu cho Công ty P1 số tiền là: 14.768.060.000 đồng . Cụ thể:

+ Số tiền tạm ứng Đợt 1 bằng tiền đặt cọc của Công ty T4(không tính lãi) là: 3.750.060.000 đồng;

+ Số tiền tạm ứng Đợt 2 bằng tiền ALCI.QN là:

Lần 1: 5.036.000.000 đồng , lãi suất nhận nợ là 1.05%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 11/01/2008; ngày 15/01/2008; ngày 18/02/2008.

Lần 2: 5.982.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 1,48%/tháng; lãi suất 1,7%/tháng; 1,65%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 31/03/2008; Giấy nhận nợ ngày 03/04/2008. Giấy nhận nợ ngày 07/05/2008. Giấy nhận nợ ngày 18/06/2008. Giấy nhận nợ ngày 24/7/2008. Giấy nhận nợ ngày 26/08/2008. Giấy nhận nợ ngày 03/11/2008.

Đến tháng 5/2010, Công ty P8 thi công hoàn thành: Phần thân vỏ đã hoàn chỉnh, sơn toàn bộ bên trong tàu đã xong, bang bộ máy chính đã hoàn thành, chuẩn bị lắp máy chính. Phần đăng kiểm tàu đã kiểm tra xong phần thân vỏ. Các hạng mục khác chưa hoàn thành: Chưa lắp hệ thống điện, chưa lắp đặt lắp hầm hàng, tủ điện điều khiển, chưa hoàn thiện phần nội thất, máy chính máy phụ đã về tập kết tại xưởng nhưng chưa lắp đặt.

Từ tháng 05/2010 đến nay, Công ty P1 đã ngừng thi công tàu nên không có bất kỳ khối lượng công việc được thực hiện. Công ty P9 quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán đã vi phạm không bàn giao tàu theo hợp đồng đã ký, gây thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của ALCI.QN, vì vậy ALCI.QN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên đình chỉ Hợp đồng mua bán số: 58A/HĐMB-2008 ngày 17/12/2007 (“Hợp đồng mua bán”) giữa ALCI.QN với Công ty P2

- Tuyên buộc Công ty P10 thanh toán cho ALCI.QN khoản tiền gồm:

+ Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là 14.768.060.000 đồng.

+ Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty P11 nguồn đi vay của ALCI tạm tính đến ngày 30/09/2023 là: 94.767.347.698 đồng.

+ Công ty P10 chịu phạt vi phạm theo Điều 4 Hợp đồng mua bán do chậm bàn giao tàu là 2.000.000.000 đồng.

+ Khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành: Công ty P12 nghĩa vụ hoàn trả phí dịch vụ kiểm toán là 20.098.669 đồng.

- Tuyên nếu Công ty P13 thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI.QN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty P1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền công ty P1 là ông Chu Tuấn H5 bày:*

Ông là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L2 đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần P2 (gọi tắt là công ty P14 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ALCI vì các lý do như sau:

Căn cứ hợp đồng mua bán số 58A/2007/HĐMB ngày 17/12/2007 giữa ALCI.QN và Công ty T1 ty P1 đồng ý bán cho ALCI.QN 01 tàu biển vỏ thép (hình thành trong tương lai) chở hàng khô tổng trọng tải 3.242 tấn cấp hạn chế VRH III với tổng giá trị thành tiền là 25 tỷ đồng. Người nhận bàn giao là Công ty T1 (địa chỉ: C khu E, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình). ALCI.QN là đơn vị trả tiền cho hợp đồng trên theo hình thức cho thuê tài chính. Để thực hiện hợp đồng mua bán số 58A/2007/HĐMB ngày 17/12/2007 Công ty P15 hiện hợp đồng theo ba giai đoạn để tiến hành giải ngân nguồn vốn đóng tàu Minh T1

Công ty P16.QN đã thực hiện các công đoạn đầy đủ theo đúng tiến độ để giải ngân lần 1 và 2 xong. Cụ thể đến thời điểm cuối năm 2008 khi giải ngân xong giai đoạn 1 và 2 các bên thống nhất Công ty P8 hoàn thành được 59% khối lượng toàn bộ công việc đóng tàu M T1. Các bên đã chốt lại toàn bộ công việc, trong đó bên Công ty P17 nhận tổng số tiền đã nhận là 14.768.060.000 đồng (trong đó đã bao gồm cả số tiền: 3.750.060.000 đồng của Công ty T3 đặt) tương ứng với 59% khối lượng công việc đã hoàn thành. ALCI.QN mới giải ngân cho Công ty P1 số tiền 11.018.000.000 đồng.

Về việc thi công giai đoạn 3: Công ty P8 cung cấp đầy đủ hồ sơ bao gồm các hợp đồng mua bán để yêu cầu ALCI.QN giải ngân thực hiện việc hoàn thiện tàu Minh Tú giai đoạn 3 nhưng phía ALCI.QN không thu xếp được nguồn vốn nên không đủ điều kiện tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện tàu Minh Tú. Do bên ALCI.QN không thu xếp được nguồn vốn nên việc thi công phải dừng lại. Việc không thực hiện được quá trình bàn giao tàu hoàn toàn do lỗi của ALCI.QN.

Tại các Công văn gửi cho Công ty P1 và các biên bản làm việc đều thừa nhận ALCI.QN không thu xếp được nguồn vốn. Đến nay Công ty P1 vẫn phải tiến hành thuê bảo vệ để trông coi tàu Minh Tú cho ALCI.QN.

Công ty P18 nghị Tòa án xem xét buộc ALCI.QN tiếp tục thực hiện hợp đồng do Công ty P13 phải là đơn vị có lỗi trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp ALCI.QN đơn phương chấm dứt hợp đồng trên thì yêu cầu

ALCI.QN phải bồi thường toàn bộ chi phí trông coi bảo quản tàu Minh Tú từ thời điểm dừng đóng tàu từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2023. Cụ thể là Công ty P8 phải ký hợp đồng trông coi tàu Minh Tú trong 14 năm từ năm 2009 đến 2023 tương đương 168 tháng đối với hai cá nhân là ông Nguyễn Văn B(địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định) và ông Nguyễn Khắc K(địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định) trông coi tàu Minh Tú với giá trị các hợp đồng là: 5.000.000 đồng/1 tháng/1 người. Tổng cộng là: 168 tháng x 10.000.000 đồng/2 người = 1.680.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Chu Tuấn H6 nghị Tòa án đưa Công ty TNHH T6 tố tụng tại Tòa án với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo đến công ty T4 và công ty T3 về việc tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng không có phản hồi nào từ hai công ty này. Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án không đưa công ty T4 và công ty T6 tố tụng trong vụ án này. Trong trường hợp có tranh chấp đối với Công ty T4 và Công ty T1 thì Công ty P19 đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện vì đã hết thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn không còn quyền khởi kiện.

* TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành xem xét thẩm định đối với tài sản tranh chấp là 01 tàu vận tải biển chở hàng khô, trọng tải 3.242 tấn, cấp hạn chế III đang đóng dở dang (tên thường gọi là Tàu M T1 hiện đang ở tại địa chỉ Xưởng đóng tàu của Công ty P3 chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định). Kết quả thẩm định: Tàu Minh Tú dài 78,63/73,60 (m); rộng 12,60 (m); chiều cao mạn là 6,48(m), chiều chìm thiết kế: 5,53 (m); một số vị trí trên tàu đã gỉ sét, xuống cấp trầm trọng; chưa lắp các thiết bị máy móc. Các bộ phận khác, trang thiết bị đã tập kết lâu ngày bị hao mòn, xuống cấp trầm trọng. Các mô kê, u đã han rỉ không còn vững chắc.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C3 hàng N(gọi tắt là: ALCI)

- Tuyên hủy Hợp đồng mua bán số 58A/2007- HĐMB ngày 17/12/2007 giữa ALCI.QN với Công ty P2

- Buộc Công ty cổ phần P10 thanh toán cho ALCI khoản tiền gồm: Tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là 14.768.060.000 đồng; Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty P20 đến ngày

30/09/2024 là 83.034.787.668 đồng; T2 phạt vi phạm theo Điều 4 Hợp đồng mua bán do chậm bàn giao tàu là 2.000.000.000 đồng.

Tổng số tiền là: 99.802.847.668 đồng.

- Trường hợp, Công ty cổ phần P13 thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty cổ phần P7 thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty P2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 58A/2007-HĐMB ngày 17/12/2007 giữa ALCI.QN với Công ty P2 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Mức lãi suất mà Công ty P10 tiếp tục thanh toán cho ALCI theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ALCI theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng số 58A/2007-HĐMB ngày 17/12/2007 giữa ALCI.QN với Công ty P2.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ALCI về việc buộc Công ty P10 trả phí dịch vụ kiểm toán là 20.098.669 đồng.

3. Án phí:

- Công ty cổ phần P10 nộp 207.803.000 đồng (đã làm tròn).

- ALCI phải nộp 3.000.000 đồng án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào số tiền 116.479.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004001 ngày 16/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. ALCI được hoàn trả số tiền 113.479.000 đồng.

* Tại đơn kháng cáo ngày 12/10/2024, Công ty cổ phần P2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến lỗi của nguyên đơn, không xem xét đến thời hiệu khởi kiện, không xem xét đến yêu cầu phản tố của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, ý kiến, quan điểm như đã nêu trên.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần P2, hủy bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh và đình chỉ giải quyết vụ án.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Ngày 17/12/2007, ALCI.QN đã ký kết Hợp đồng mua bán số 58A/2007-HĐMB với Công ty P7 thực hiện mua một tàu biển vỏ thép cấp hạn chế III, trọng tải toàn phần 3.242 tấn của Công ty P2, thời gian bàn giao tàu là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng mua bán.

Ngày 09/4/2008, giữa ALCI.QN và Công ty P8 ký kết Phụ lục Hợp đồng mua bán số 58A; ngày 31/12/2008 và ngày 06/10/2009 giữa ALCI.QN và Công ty P8 ký kết phụ lục sửa đổi Hợp đồng mua bán số 58A/2007-HĐMB. Theo Phụ lục ngày 06/10/2009 thì thời hạn bàn giao tàu là tháng 4/2010.

Tuy nhiên đến thời hạn bàn giao tàu thì Công ty P1 mới chỉ thực hiện được 59% con tàu nên không thể bàn giao tàu, nguyên nhân là do thiếu vốn; ngoài ra, Công ty P21 không thanh toán đầy đủ tiền lãi đúng hạn theo thỏa thuận. Từ năm 2010 đến 2017, giữa ALCI.QN và Công ty P8 nhiều lần làm việc với nhau về việc thực hiện Hợp đồng mua bán số 58A/2007-HĐMB ngày 17/12/2007; nội dung làm việc là để bàn cách tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng dẫn đến việc tàu đầu tư dở dang, không bàn giao tàu theo đúng thời hạn (biên bản làm việc lần cuối cùng giữa hai bên là ngày 02/7/2017). Từ tháng 7 năm 2017 đến khi ALCI.QN khởi kiện hai bên không có buổi làm việc nào nữa.

Trong tài liệu khởi kiện đại diện ALCI.QN giao nộp cho Tòa các Biên bản kiểm tra ngày 07/4/2022 và 28/9/2022 giữa ALCI. QN với Công ty P1 tuy nhiên hai biên bản này chỉ có đại diện ALCI.QN ký còn bên Công ty P1 không ai ký nên không hợp lệ. Đại diện ALCI.QN cho rằng khi đến làm việc Công ty P1 không hợp tác nên không ký biên bản nhưng không có căn cứ chứng minh. Đại diện Công ty P22 định ALCI.QN không đến làm việc với Công ty vào các ngày 07/4/2022 và 28/9/2022, trước đó ALCI.QN cũng không điện thoại, nhắn tin trao đổi hoặc gửi công văn đề đặt lịch làm việc nên Công ty P1 không biết.

Ngoài ra đại diện ALCI.QN trình bày rằng từ năm 2017 đến trước khi khởi kiện đã nhiều lần điện thoại trao đổi với Công ty P13 hợp tác. Tuy nhiên đại diện ALCI. QN không có căn cứ chứng minh.

Như vậy có đủ căn cứ xác định từ tháng 5/2010 Công ty P8 vi phạm hợp đồng về thời hạn bàn giao tàu và vi phạm việc thanh toán tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận, ALCI biết rõ quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nhưng không khởi kiện mà vẫn tiến hành làm việc trao đổi với Công ty P7 tiếp tục thực hiện hợp đồng. Từ 2010 đến 2017, các bên đã nhiều lần làm việc với nhau về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng nên không tính vào thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng. Từ tháng 7 năm 2017 đến khi làm đơn khởi kiện (ngày 28 tháng 9 năm 2023) là hơn 06 năm, giữa hai bên không có sự kiện gì để làm căn cứ bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015; đối với 02 biên bản kiểm tra ngày 07/4/2022 và 28/9/2022 không hợp lệ nên không có giá trị chứng minh. Vì vậy theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán (Tranh chấp thương mại) đã hết, ALCI không còn quyền khởi kiện Công ty P2.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc đề nghị xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Từ sự phân tích nhận định nêu trên xét thấy bị đơn đã có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án sơ thẩm ra bản án và thời hiệu khởi kiện đã hết. Vì vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[2.2] Về nội dung: Do cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng dẫn đến việc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, nên không cần thiết phải xem xét đến nội dung vụ án.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần P2, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí:

- ALCI phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được đối trừ vào số tiền 116.479.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004001 ngày 16/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, ALCI đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 113.479.000đ (Một trăm mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Công ty cổ phần P13 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004109 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (30-5-2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng